

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 06/2023/DSST

Ngày: 26/4/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nghệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Tùng và bà Lê Thị Thường

- Thư ký phiên Tòa: Bà Phan Lê Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu – Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Thùy Trang.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án huyện Quỳnh Lưu, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 68/2022/TLST- DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1964. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm A, xã M, huyện L, tỉnh Nghệ An.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1960. Có mặt

Nơi cư trú: Khối B, thị trấn C, huyện L, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Ông Trần H, sinh năm 1969. Vắng mặt

Bà Bùi Thị M, sinh năm 1974. Vắng mặt

Cùng trú tại: Xóm C, xã T, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 30/7/2022, bản tự khai ngày 01/12/2022 của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hoàng Thị N trình bày:

Ông Khánh làm nghề kinh doanh con giống, thức ăn và các sản phẩm phục vụ nuôi trồng thủy sản. Vợ chồng ông H, bà M nhiều lần mua thức ăn nuôi tôm và

các sản phẩm khác do ông bán và xin nợ tiền mua hàng. Ngày 14/9/2019 sau khi hai bên tính toán, vợ chồng ông H, bà M còn nợ ông số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng). Ông H, bà M thống nhất xin ông K nợ số tiền trên và sẽ chịu trách nhiệm trả tiền lãi suất với mức 1,2%/tháng, đồng thời cam kết ngày 19/4/2020 sẽ thanh toán hết tiền gốc và tiền lãi. Ông H, bà M có ký tên vào giấy xác nhận nợ đề ngày 14/9/2019. Tính đến ngày 10/01/2022 ông H, bà M đã trả được 43.000.000đ tiền gốc, cụ thể: ngày 15/02/2021 trả 26.000.000đ, ngày 10/01/2022 trả 17.000.000đ. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 01/12/2022 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông H, bà M phải trả cho ông K số tiền 123.018.000đ, trong đó: tiền nợ gốc 87.000.000đ, tiền lãi suất tạm tính từ ngày 14/9/2019 đến ngày 30/7/2022 là 36.018.000đ (lãi suất 1,2% x 34 tháng 15 ngày x 87.000.000đ) và tiếp tục trả lãi suất theo thỏa thuận tại giấy xác nhận nợ cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận ngày 18/01/2023 ông H, bà M đã trả thêm cho ông K 20.000.000đ tiền gốc. Nay tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền rút một phần yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu ông H, bà M phải trả số tiền nợ gốc còn nợ là 67.000.000đ, lãi suất tính từ ngày 14/9/2019 đến ngày 24/4/2023 là 43 tháng 10 ngày với mức lãi suất 0,83%/ tháng x 67.000.000đ = 24.097.000đ. Tổng số gốc và lãi suất ông H, bà M phải trả cho ông K là 91.097.000đ.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2022 bị đơn ông Trần H trình bày:

Ông và ông K là chỗ quen biết, có nhiều lần mua thức ăn chăn nuôi của chị H là con gái ông K. Ông không vay tiền của ông K. Ông K mở đại lý bán thức ăn nuôi tôm, ông là người mua, các bên thỏa thuận khi nào hết vụ tôm, bán được tôm mới thanh toán tiền thức ăn. Thực tế khi ông K bán thức ăn cũng đã lấy giá cao hơn mặt bằng chung. Từ năm 2019 việc nuôi tôm gặp nhiều khó khăn, giữa ông và ông K có chót nợ với nhau số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), lãi suất 1,2%/tháng. Hằng năm ông đều trả cho ông K một ít vì phải phụ thuộc vào con cái đi làm lấy tiền trả nợ. Ngày 15/01/2021 ông trả được 26.000.000đ, ngày 10/01/2022 ông trả được 17.000.000đ. Chữ ký “Trần H” và “Bùi Thị M” trong giấy xác nhận nợ ngày 14/9/2019 là chữ viết, chữ ký của vợ chồng ông. Hiện nay ông còn nợ ông K số tiền 87.000.000đ. Số tiền này ông sẽ thu xếp để trả dần hàng năm, giữa ông và ông K không mâu thuẫn gì. Ông đề nghị Tòa án không báo gọi ông nữa. Ông H từ chối ký vào biên bản lấy lời khai. Bà M đã nhận được các văn bản của Tòa án nhưng không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Về thẩm quyền giải quyết vụ án; Xác định tư cách tham gia tố tụng; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Tiếp cận công khai chứng cứ- hoà giải; Việc cấp tổng đạt các thủ tục tố tụng cho Viện kiểm sát và các đương sự; Thời hạn chuẩn bị xét xử là đều đúng quy định của BLTTDS. Về xác định quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Khánh, Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Xét thấy, số nợ này ban đầu là xuất phát từ việc mua bán thức ăn nuôi tôm, không phải quan hệ vay mượn. Mặt khác, việc mua bán đã kết thúc từ năm 2019 chỉ còn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên cần xác định đây là tranh chấp kiện đòi nợ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS thì chính xác hơn. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án là thực hiện không đảm bảo quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS, ảnh hưởng đến thời hạn giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 117, 357, 440, 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 BLTTDS 2015, Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần H và bà Bùi Thị M có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông Nguyễn Văn K số tiền nợ gốc còn lại là 67.000.000 đồng.

Lãi suất 0,83%/tháng theo yêu cầu của nguyên đơn.

Án phí: Buộc ông Trần H và bà Bùi Thị M phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định.

1. Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện việc mua bán thức ăn nuôi tôm, nhưng đến ngày 14/9/2019 hai bên đã chốt nợ nên đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS 2015.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn ông Trần H và bà Bùi Thị M có nơi cư trú tại: Xóm C, xã T, huyện L, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu.

1.3. Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Trần H và bà Bùi Thị M nhưng ông H, bà M vắng mặt không rõ lý do, Tòa án lấy lời khai nhưng ông H từ chối ký vào biên bản nên căn cứ Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung:

2.1 Yêu cầu về tiền gốc:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K cung cấp 01 giấy xác nhận nợ ngày 14/9/2019. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông K, bị đơn ông Trần H đều thừa nhận vợ chồng ông H, bà M còn nợ của ông K số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) tiền mua thức ăn nuôi tôm, giấy xác nhận nợ có chữ ký của ông Trần H và bà Bùi Thị M. Như vậy, đủ cơ sở để kết luận, khi thực hiện giao dịch các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn, bị đơn là hợp pháp, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Trong giấy xác nhận nợ và lời khai của nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận thỏa thuận về lãi suất 1,2%/tháng, thời hạn trả nợ gốc và lãi trước ngày 14/9/2020 nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015.

Từ sau khi ký giấy xác nhận nợ, ông H, bà M đã trả cho ông K tổng số tiền 63.000.000đ vào các ngày 15/01/2021 trả 26.000.000đ, ngày 10/01/2022 trả 17.000.000đ, ngày 18/01/2023 trả 20.000.000đ. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có cơ sở xác định, ông H, bà M còn nợ ông K số tiền 67.000.000đ theo giấy xác nhận nợ ngày 14/9/2019 buộc ông H, bà M phải trả cho ông K số tiền trên là phù hợp quy định tại Điều 463 BLDS năm 2015, Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

2.2 Yêu cầu về lãi suất:

Xét thấy tại thời điểm các bên ký giấy xác nhận nợ ngày 14/9/2019, thỏa thuận mức lãi suất 1,2%/tháng (tương đương 14,4%/năm), tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông H, bà M phải trả lãi suất 0,83%/tháng (tương đương 10%/năm) phù hợp với mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468

BLDS 2015 nên yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn là có căn cứ, được chấp nhận. Buộc ông Trần H, bà Bùi Thị M phải trả cho ông K số tiền lãi suất tính từ ngày 14/9/2019 đến ngày 24/4/2023 là 67.000.000đ x 0,83%/tháng x 43 tháng 10 ngày = 24.097.000đ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông H, bà M phải chịu 4.555.000đ (Bốn triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn K số tiền 3.075.000đ (Ba triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0012564 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, các Điều 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 117, 357, 463, 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K.

1. Buộc ông Trần H và bà Bùi Thị M phải trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền 91.097.000đ (Chín mươi một triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng) theo Giấy xác nhận nợ ngày 14/9/2019, trong đó tiền nợ gốc: 67.000.000đ (Sáu mươi bảy triệu đồng), tiền lãi suất tính từ ngày 14/9/2019 đến ngày 24/4/2023 là 24.097.000đ (Hai mươi bốn triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 0,83%/tháng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật THADS. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THADS.

2. Án phí: Ông Trần H và bà Bùi Thị M phải chịu 4.555.000đ (Bốn triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn K số tiền 3.075.000đ (Ba triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0012564 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu.

3. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn ông Trần H và bà Bùi Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nghệ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA

Phan Thị Đóa

Đặng Thị Thu Trang

Trần Ngọc Hà

